TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 153/2018/QĐST-HNGĐ	*Tân Phú Đông, ngày 22 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 66/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2017, giữa:

- *Nguyên đơn:* Huỳnh Thị Kim T , sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp Tân A1, xã Tân Ph , huyện A, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn LB, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp Tân A1, xã Tân Ph , huyện A, tỉnh B.

Đại diện ủy quyền: Lê Văn Hữu H , sinh năm 1955.

Địa chỉ: 112/2 Z, Phường Q, thành phố J, tỉnh B

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ngân hàng W (Chi nhánh huyện A, tỉnh B).

Địa chỉ: ấp Tân Ph , xã Phú Th , huyện A, tỉnh B

+ Nguyễn Văn Ng , sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp Tân A , xã Tân Ph , huyện A, tỉnh B.

+ Nguyễn Thanh T1 , sinh năm 1998.

Địa chỉ: ấp Tân A1, xã Tân Ph , huyện A, tỉnh B.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211, khoản 1 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

** Về tài sản chung*:

Ông Lê Văn Hữu H , bà Huỳnh Thị Kim T , ông Nguyễn Thanh T2 và anh Nguyễn Thanh T1 thỏa thuận như sau:

- Chia phần đất 6476,1 m^2 (theo mảng trích đo địa chính thửa đất ngày 20/9/2017) thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000991 QSDĐ/, do Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú Đông cấp cho Nguyễn Văn L ngày 11/10/2002; đất tọa lạc ấp Tân A1, xã Tân Ph , huyện A, tỉnh B cho các con của anh Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Kim T như sau:

+ Cháu Nguyễn Văn N được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng phần đất diện tích 1500 m^2.

**** Phần thứ nhất có tứ cận như sau:***

Đông giáp: đường bê tông.

Tây giáp: đất của ông Lê Văn Phước.

Nam giáp: phần đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn M .

Bắc giáp: đất của ông Lâm Trung D1.

**** Phần thứ hai có tứ cận như sau:***

Đông giáp: đường bê tông.

Tây giáp: đất của ông Lê Văn Ph1.

Nam giáp: phần đất thỏa thuận chia cho cháu Nguyễn Thanh T1.

Bắc giáp: phần đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn M .

+ Cháu Nguyễn Thanh T1 được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng phần đất diện tích 1500 m^2, có tứ cận như sau:

Đông giáp: đường bê tông và đất của ông Nguyễn Văn Lắm E .

Tây giáp: đất của ông Lê Văn Ph1.

Nam giáp: phần đất thỏa thuận chia cho cháu Nguyễn Thanh D .

Bắc giáp: phần đất thỏa thuận chia cho cháu Nguyễn Văn Ng .

+ Cháu Nguyễn Thanh D được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng phần đất diện tích 1500 m^2, có tứ cận như sau:

Đông giáp: đất của ông Nguyễn Văn Lắm E và phần đất còn lại của ông Nguyễn Văn L

Tây giáp: đất của ông Lê Văn Ph1 .

Nam giáp: đường bê tông và phần đất còn lại của ông Nguyễn Văn .

Bắc giáp: phần đất thỏa thuận chia cho cháu Nguyễn Thanh T1.

Anh Nguyễn Thanh T1, anh Nguyễn Văn Ng , cháu Nguyễn Thanh D chỉ được quyền quản lý, sử dụng phần đất được chia nhưng không được quyền chuyển nhượng cho người khác khi anh L còn sống. Phần đất của cháu D sẽ do chị T đại diện đứng tên cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi thì chị T sẽ sang tên lại cho cháu D .

Còn lại 2012,1 m^2, anh L được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng có tứ nhận như sau:

Đông giáp: đất của ông Nguyễn Văn Lắm E .

Tây giáp: phần đất thỏa thuận chia cho cháu Nguyễn Thanh D .

Nam giáp: đường bê tông.

Bắc giáp: phần đất thỏa thuận chia cho cháu Nguyễn Thanh D .

Cháu Nguyễn Văn L thống nhất giao cho cháu Nguyễn Thanh Ng 06 mô tơ; 01 máy cho tôm ăn; 06 cây tiếp; 02 giảm tốc; 100m dây điện; 32 can nhựa khi anh Nguyên về nuôi tôm.

* *Nợ chung:* Bà T và ông L liên đới trả cho Ngân hàng Z - Chi nhánh huyện A số tiền 43.268.374 đồng khi án có hiệu luật pháp luật.

**** Về án phí:***

Chị T phải chịu 540.855 đồng án phí dân sự sơ thẩm, sau khi khấu trừ vào số tiền số tiền tạm ứng phí 2.432.500 đồng theo biên lai thu số 48539 ngày 21/6/2017 và số tiền tạm ứng án phí 580.000 đồng theo biên lai thu số 48562 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A hoàn lại chị T số tiền 2.471.645 đồng *(Hai triệu, bốn trăm bảy mươi mốt nghìn, sáu trăm bốn mươi lăm đồng)*.

Anh L phải chịu 2.552.955 *(Hai triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi lăm)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Cháu Nguyễn Thanh T1 phải chịu 1.500.000 *(Một triệu, năm trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm. Sau khi khấu trừ vào 1.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh Ng đã nộp theo biên lai thu số 48566 ngày 17/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Hoàn lại anh Nguyễn Thanh T1 số tiền 375.000 *(Ba trăm bảy mươi lăm nghìn)* đồng.

Cháu Nguyễn Văn Ng phải chịu 1.805.250 *(Một triệu, tám trăm lẻ năm nghìn, hai trăm năm mươi)* đồng án phí dân sự sơ thẩm. Sau khi khấu trừ vào 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh Nguyên đã nộp theo biên lai thu số 48563 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Anh Nguyễn Văn Ng phải tiếp tục nộp 305.250 *(Ba lẻ năm nghìn, hai trăm năm mươi)* đồng.

Cháu Nguyễn Thanh D phải chịu 1.500.000 *(Một triệu, năm trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại Ngân hàng Z - Chi nhánh huyện A số tiền tạm ứng án phí 1.081.*000 (Một triệu, không trăm tám mươi mốt nghìn)* đồng mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 48578 ngày 25/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Ngọc H